

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2019/HNGĐ-ST

Ngày 07-11-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thiều

2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng P, sinh năm: 1984, (vắng mặt),

Địa chỉ: Tổ 41 ấp BT, xã TD, huyện GD, tỉnh TN;

- *Bị đơn:* Anh Trần Phú D, sinh năm: 1981, (vắng mặt),

Địa chỉ: Tổ 41 ấp BT, xã TD, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-7-2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Hồng P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Phú D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh TN. Ngày cưới bên chồng có cho 01 đôi bông tai vàng 24k, 01 sợi dây chuyền và cặp nhẫn cưới vàng 18k, nhưng vợ chồng đã bán chi phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng, năm 2006 vợ chồng thuê nhà trọ ở riêng, đến tháng 5-2019 anh Vinh về sống chung nhà cha mẹ đến nay. Vợ chồng sống đến năm 2006 phát sinh mâu thuẫn, do anh D tính tình khó khăn tính toán về tiền bạc, anh thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị, anh làm đưa tiền cho chị không đủ để nuôi con, chi phí trong

nhà, mặc dù ở chung nhà nhưng vợ chồng không còn quan hệ tình cảm nhau từ năm 2016, từ đó mạnh ai làm nấy sống, cuộc sống không hạnh phúc, tháng 5-2019 anh D dọn đồ bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị xin ly hôn với anh D;

- *Về con chung*: Có 02 con tên Trần Phú Q, sinh ngày 19-4-2009 và Trần Công M, sinh ngày 11-12-2012 hiện chị đang nuôi, chị yêu cầu được nuôi 02 con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/cháu, 02 cháu 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành tự lao động sinh sống được;

- *Về tài sản chung*: Có phần đất diện tích 839m² tọa lạc tại ấp BT, xã TD, huyện GD, tỉnh TN anh D đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết;

- *Về nợ chung*: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Ngày 16-10-2019 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt, do bận đi làm.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Trần Phú D trình bày: Anh và chị P tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2003, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh TN, ngày cưới bên gia đình anh có cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền và cặp nhẫn, nhưng vợ chồng đã bán chi phí hết. Cưới xong vợ chồng thuê nhà sống tại Hòa Thành, TN. Vợ chồng sống đến năm 2018 thì cha anh mất, anh bàn với vợ trở về sống chung với mẹ để phụng dưỡng mẹ, nhưng vợ không chịu về, nên anh về nhà cha mẹ sống, vợ chồng ly thân từ tháng 5-2019. Nay vợ xin ly hôn, anh không đồng ý, anh yêu cầu đoàn tụ vợ chồng để cùng chung sống nuôi con, ly hôn thì con sẽ khổ.

Về con chung: Có 02 con đúng như chị P trình bày, hiện vợ đang nuôi, anh đồng ý giao vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Có phần đất diện tích 839m² tọa lạc tại ấp BT, xã TD, huyện GD, tỉnh TN anh đang quản lý, anh không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị P có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt do bận đi làm, nên đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh D; về con chung: Giao chị P tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục 02 cháu Trần Phú Q, sinh ngày 19-4-2009 và Trần Công M, sinh ngày 11-12-2012, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/cháu, 02 cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành tự lao động sinh sống được; về tài sản chung: Chị P, anh D khai có phần đất diện tích 839m² tọa lạc tại ấp BT, xã TD, huyện GD, tỉnh TN, anh D đang quản lý, anh chị không yêu cầu nên không giải quyết. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị P đối với anh D; về nợ chung: Chị P, anh D khai không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, chị Phán có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt do bận đi làm, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Hồng P và anh Trần Phú D có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị P thì do anh D tính tình khó khăn, tính toán về tiền bạc, anh thường xuyên uống rượu về kiểng chuyện chưởi mắng, đánh đập chị, anh làm đưa tiền cho chị không đủ để nuôi con, chi phí trong nhà, mặc dù ở chung nhà nhưng vợ chồng không còn quan hệ tình cảm nhau từ năm 2016, từ đó mạnh ai làm nấy sống, cuộc sống không hạnh phúc, tháng 5-2019 anh D bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, nên chị xin ly hôn với anh D.

[2.1] Theo anh D là do cha anh mất, nên anh yêu cầu vợ chồng về sống chung phụng dưỡng cha mẹ, nhưng vợ không chịu về, nên anh bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng ly thân từ tháng 5-2019. Nay vợ xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn do không muốn con khổ.

[2.2] Ngày 13-9-2019, ngày 20-9-2019 và ngày 16-10-2019 Tòa án mời anh, chị đến tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do.

[2.3] Xét thấy, mặc dù lời khai của anh chị có mâu thuẫn nhau, nhưng Tòa án mời anh chị đến để tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ anh chị không còn tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Anh D yêu cầu đoàn tụ nhưng anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị P và anh D khai có 02 cháu Trần Phú Q, sinh ngày 19-4-2009 và Trần Công M, sinh ngày 11-12-2012. Chị P yêu cầu được nuôi 02 con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/cháu, 02 cháu 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành tự lao động sinh sống được. Anh D không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nếu vợ không nuôi được thì giao anh nuôi. Xét thấy, từ khi anh D bỏ đi chị P vẫn nuôi dưỡng và cho các cháu đi học bình thường, cuộc sống ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và xem xét nguyện vọng của cháu Q, nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị P. Tuy nhiên mức cấp dưỡng chị P yêu cầu là cao so với thu nhập của anh D, nên cần buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/cháu, 02 cháu 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Chị P, anh D khai có phần đất diện tích 839m² tọa lạc tại

ấp BT, xã TD, huyện GD, tỉnh TN anh D đang quản lý, anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị P đối với anh D.

[5] *Về nợ chung*: Chị P và anh D khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

[6] *Về chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản*: Chị P chịu 200.000 đồng. Ghi nhận chị đã nộp và Tòa án đã chỉ xong.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị P phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Hồng P đối với anh Trần Phú D. Chị P được ly hôn với anh D.

2. *Về con chung*: Giao chị P được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Trần Phú Q, sinh ngày 19-4-2009 và Trần Công M, sinh ngày 11-12-2012. Buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/cháu, 02 cháu 2.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Q, M trưởng thành và có khả năng lao động sinh sống được.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Chị P, anh D khai có phần đất diện tích 839m² tọa lạc tại ấp BT, xã TD, huyện GD, tỉnh TN, anh D đang quản lý, anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị P đối với anh D.

4. *Về nợ chung*: Chị P và anh D khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị P chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009491 ngày 23-7-2019. Hoàn trả cho chị P 3.750.000 (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009647 ngày 05-9-2019, tất cả của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD.

Anh D chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể ngày từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng anh D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản: Chị P chịu 200.000 đồng. Ghi nhận chi đã nộp và Tòa án đã chi xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị P, anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- UBND xã Phước Vĩnh, Châu Thành, TN;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thiếu

Trần Ánh Nhạ

Nguyễn Thị An

